TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **277**/2018/HNGĐ_ST
Ngày: 27/8/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Nhựt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Cán bộ Hội liên Hiệp phụ nữ Tp.Biên Hòa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thu Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoàng Thế Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, tại Hội trường 06 – Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2630/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 296/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị Kim X**, sinh năm 1978
2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thành Y**, sinh năm 1965

Địa chỉ: K3/59, ấp Tân Mỹ, P.Bửu Hòa, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Bà X xin vắng mặt, ông Y vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Võ Thị Kim X trình bày: Trên cơ sở tự nguyện và sau thời gian tìm hiểu, năm 2008 bà cùng ông Nguyễn Thành Y tự nguyện kết hôn. Ngày 27/5/2008, UBND phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 58/TP-HT, quyển số 01/2008 cho bà và ông Y. Từ khi kết hôn vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp nhau, không tìm được điểm chung. Nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không ai chăm sóc ai nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Y

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Long Quân, sinh ngày 14/10/2002. Khi ly hôn bà đề nghị giao con chung cho ông Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Đến ngày 19/6/2018 bà X có thay đổi, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung khi ly hôn bà X xác định để các bên tự thỏa thuận, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn bà X xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tuy nhiên ông Nguyễn Thành Y không thực hiện các nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự, không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến của của ông Y về việc giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Nguyễn Long Quân; cháu Quân có nguyện vọng được bà X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

- Nguyên đơn bà Võ Thị Kim X khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thành Y đối chiếu Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà X là nguyên đơn, ông Y là bị đơn trong vụ án.

- Ông Y có đăng ký hộ khẩu tại phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn bà X có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Y đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không có lý do; căn cứ khoản 01, điểm b khoản 02 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

3. Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Kim X và ông Nguyễn Thành Y tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được UBND phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết số 58/TP-HT, quyển số 01/2008 ngày 27/5/2008, đối chiếu các điều 9, điều 11và điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà X xác định ngay sau khi kết hôn vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn đoàn tụ được.Theo biên bản xác minh tại địa phương ngày 15/7/2018, địa phương xác định giữa bà X và ông Y có mâu thuẫn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Xét thấy, việc mâu thuẫn trong cuộc sống giữa ông Y và bà X là có thực. Bà X xác định mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cương quyết ly hôn với ông Y. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà X là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Long Quân, sinh ngày 14/10/2002 và không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của cháu Long cũng mong muốn được bà X trực tiếp nuôi dưỡng, Do đó, yêu cầu của bà X về phần này là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, bà Thúy xác định để vợ chồng tự thỏa thuận; nợ chung của vợ chồng khi ly hôn bà X xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do ông Y không có ý kiến nên không thể xác thực về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, do đó các đương sự được quyền khởi kiện đối với phần này bằng một vụ án khác khi có yêu cầu

- Về án phí: Bà Võ Thị Kim X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147; 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 09, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Áp dụng các điều 51, 56, 71, 81, 82, 83, khoản 01 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim X đối với bị đơn ông Nguyễn Thành Y về việc tranh chấp ly hôn.

Tuyên xử:

Bà Võ Thị Kim X, sinh năm 1978 được ly hôn với ông Nguyễn Thành Y, sinh năm 1965.

Về con chung: Giao Nguyễn Long Quân, sinh ngày 14/10/2002 cho bà Võ Thị Kim X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thành Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Y được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Bà Võ Thị Kim X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 003740 ngày 12/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà X đã nộp đủ án phí theo quy định.

Bà X, ông Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa
- UBND P.Bửu Hòa
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Minh Nhựt